

17/4

D71.106

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA20QLNN

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: *Thực nghiệm*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/04/2023

Phòng thi: *D71.106*

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117420001	Trương Thị Mộng Châu	04/10/2002	Nữ	<i>10,0</i>	<i>53</i>	<i>7,7</i>	001	<i>Lu</i>		
2	117420011	Đặng Thị Anh Đào	24/08/2002	Nữ	<i>9,0</i>	<i>55</i>	<i>7,3</i>	004	<i>Anh Đào</i>		
3	117420014	Phạm Thị Như Hoa	16/05/2001	Nữ	<i>10,0</i>	<i>63</i>	<i>8,2</i>	002	<i>Thao</i>		
4	117420020	Trần Tiến Đạt	12/05/2002	Nam	<i>9,5</i>	<i>50</i>	<i>7,3</i>	003	<i>Đạt</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: *04*

Tổng số sv, hs dự đánh giá: *04*

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *04*

Tổng số tờ: *04*

Cán bộ coi thi 1: *Trần Thị Ái Mỹ*

Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Thị Ái Mỹ*

Điểm QT: *50*%; Điểm KT: *50*%

Trà Vinh, Ngày *03* tháng *5* năm *2023*

Cán bộ ghi điểm: *Trần Thị Ái Mỹ*

Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Thị Ái Mỹ*

Nguyễn Thị Ái Mỹ

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21NNAC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/04/2023

Phòng thi: DTT 106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421063	Kim Phene	04/08/2002	Nam							CT

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:

Trần Văn Tuấn

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Trần Văn Tuấn

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21QDL

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thi viết

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/04/2023Phòng thi: D.11.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116621001	Tiêu Gia Bảo	19/12/2003	Nam	10,0	48	7,4	006			
2	116621005	Lâm Hải	03/01/1999	Nam	10,0	53	7,7	007			
3	116621007	Tích Xen	03/07/2000	Nam	10,0	43	7,2	008			
4	116621009	Lâm Gia Huy	27/07/2003	Nam	9,3	38	6,6	009			
5	116621013	Nguyễn Thị Yến	21/11/2003	Nữ	9,8	48	7,3	010			
6	116621025	Lê Thị Huyền	10/11/2003	Nữ	8,8	30	5,9	011			
7	116621029	Nguyễn Trường Vũ	24/05/2003	Nam	9,0	35	6,3	012			
8	116621030	La Thị Thúy Vy	15/06/2003	Nữ	8,8	40	6,4	013			
9	116621031	Nguyễn Phương Vy	26/11/2003	Nữ	10,0	45	7,3	014			
10	116621036	Nguyễn Kỳ Anh	15/05/2002	Nam	9,3	53	7,3	015			
11	116621044	Nguyễn Khánh Đăng	23/02/2003	Nam	10,0	53	7,7	016			
12	116621046	Lâm Tha	01/01/1999	Nam	9,5	48	7,2	017			
13	116621099	Trần Nguyễn Uyên Nhi	24/10/2003	Nữ	10,0	53	7,7	018			
14	116621110	Nguyễn Quốc Khải	29/09/2003	Nam	10,0	53	7,7	019			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17....Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17....Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50....%Trà Vinh, Ngày 03 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

17/4
D71.107

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21QLDL(CO-OP)
CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TV.....
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
17...../4...../2023.....
Phòng thi: D71.107.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114621089	Trần Thị Ánh Ngọc	29/12/2003	Nữ	8,2	3,3	5,8	001			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01.....
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm:.....

Nguyễn Hoàng Thanh

Trần Thị Ánh Ngọc

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21QTKSA
CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
17 / 4 / 2023
Phòng thi: D21107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	118921011	Thạch Thị Cửu Long	10/05/2003	Nữ	8,5	3.8	6,2	002			
2	118921020	Trương Thị Hồng Thanh	15/07/2003	Nữ	7,8	4.8	6,3	003			
3	118921034	Phùng Gia Hưng	03/02/2002	Nam	7,3	3.8	5,6	004			
4	118921035	Vô Minh Thi	08/06/2002	Nam	8,5	3.3	5,9	005			
5	118921036	Văng Thị Hương	28/11/2003	Nữ	6,0						CT
6	118921105	Nguyễn Thị Bảo Trân	22/10/2003	Nữ	8,0	7.0	7,5	007			
7	118921135	Trương Thị Hồng Nhung	22/09/2003	Nữ	8,8	4.0	6,4	008			
8	118921136	Vô Thị Hoàng Thơ	08/03/2003	Nữ	8,3	5.8	7,1	009			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Hằng Thu

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Tôn Kha

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21QTNH

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 4 / 2023

Phòng thi: D71-107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	119021005	Nguyễn Thị Hồng	Liêm	05/10/2003	Nữ	8,8	5,3	7,1	010	<u>huc</u>	
2	119021007	Dương Minh	Nghĩa	18/08/2003	Nam	6,0	3,3	4,7	011	<u>pham</u>	
3	119021008	Thạch Uyển	Nhi	22/02/2003	Nữ	6,5	—	—	—	<u>thach</u>	
4	119021010	Huỳnh Hữu	Tâm	08/12/2003	Nam	10,0	4,5	7,3	013	<u>huynh</u>	
5	119021020	Đỗ Vũ	Hải	11/08/2003	Nam	10,0	5,3	7,7	014	<u>do</u>	
6	119021026	Đào Thanh	Sang	01/07/2002	Nam	10,0	4,0	7,0	015	<u>dao</u>	
7	119021034	Âu Dương	Long	07/01/2002	Nam	10,0	3,3	6,7	016	<u>au</u>	
8	119021060	Võ Tuyết	Ngân	17/07/2003	Nữ	9,5	4,3	6,9	017	<u>vo</u>	
9	119021083	Ngô Minh	Cảnh	17/01/2003	Nam	9,3	4,8	7,1	018	<u>ngo</u>	
10	119021108	Nguyễn Thị Vân	Anh	06/08/2003	Nữ	9,3	5,0	7,2	019	<u>nguyen</u>	
11	119021109	Đỗ Thị Minh	Thư	24/07/2003	Nữ	9,5	5,3	7,4	020	<u>do</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Hoàng Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Kha

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành